

Số: 1341/QĐ-YHB

Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:
Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển

VIỆN TRƯỞNG VIỆN Y HỌC BIỂN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2024/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ Y tế Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 930/2001/QĐ-BYT ngày 27/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện Y học biển trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-YHB ngày 09/12/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển về việc phê duyệt dự toán và nguồn vốn gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 75/TTr-TCG ngày 10/12/2025 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển,

QUYẾT ĐỊNH:

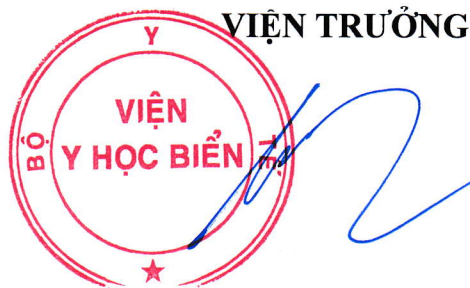
Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao cho Khoa Dược phối hợp với Phòng Tài chính- Kế toán chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng Khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính- Kế toán các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, KD.



VIỆN TRƯỞNG
TS.BSNT *Nguyễn Bảo Nam*





PHỤ LỤC:

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU: MUA SẮM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM NĂM 2025-2026 CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN

(Kèm theo Quyết định số 1341/QĐ-YHB ngày 15/12/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển)

St t	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Viện Y học biển	Gói thầu số 1: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển	Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2025-2026 của Viện Y học biển năm 2025-2026 gồm 03 lô 24 danh mục)	5.620.339.379	Nguồn thu sự nghiệp	Đấu thầu rộng rãi, qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	90 ngày	Tháng 12/2025	Theo đơn giá cố định	18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Tối đa 30%	Không đề xuất
2		Gói thầu số 2: Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSMT	Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSMT	20.000.000		Chi định thầu rút gọn	-	15 ngày		Hợp đồng trọn gói	60 ngày	Không áp dụng	
3		Gói thầu số 3: Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả LCNT	Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả LCNT	10.000.000									
Tổng giá gói thầu				5.650.339.379	Số tiền bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng.								



PHỤ LỤC:
THÔNG TIN TỪNG PHẦN (LÔ) CỦA KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU:
MUA SẴM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM NĂM 2025-2026
CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN

(Kèm theo Quyết định số 1341/QĐ-YHB ngày 15/12/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển)

STT	Tên phần (lô)	Giá ước tính từng lô (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Đơn vị tính Thời gian thực hiện gói thầu
1	Lô 1: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu máu	3.226.273.829	18	tháng
2	Lô 2: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu nước tiểu	1.883.530.000	18	tháng
3	Lô 3: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu dịch mũi, họng, tỵ hầu	510.535.550	18	tháng
	Tổng cộng:	5.620.339.379		
Bảng chữ: Năm tỷ sáu trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng.				

PHỤ LỤC:
DANH MỤC MUA SẴM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM NĂM 2025-2026
CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN

(Kèm theo Quyết định số 1341/QĐ-YHB ngày 15/12/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển)

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
1	Lô 1: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu máu					
1.1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	<p>Test thử nhanh đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người với 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: “G” (vạch thử HAV IgG), “M” (vạch thử HAV IgM) và “C” (vạch chứng).</p> <p>- Độ nhạy 97.6% và độ đặc hiệu là 98%</p> <p>- Thẻ tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương chỉ là 5 µL và thời gian đọc kết quả là 20 phút</p> <p>- 1 test thử bao gồm:</p> <p>- Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút viêm gan A- keo vàng (1,0± 0,2 µg)</p> <p>- Vạch thử “G”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người (0,640± 0,128 µg)</p> <p>- Vạch thử “M”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người (0,224± 0,045 µg)</p> <p>- Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,640± 0,128 µg)</p> <p>- Tiêu chuẩn CFS, EU</p>	Test	500	101.430	50.715.000
1.2	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai.</p> <p>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% so với RT- PCR</p> <p>- Thời gian trả kết quả: 5- 20 phút</p> <p>- Thẻ tích mẫu sử dụng: 10µl với mẫu máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương người</p> <p>- Ngưỡng phát hiện ở nồng độ pha loãng gấp 4096 lần với huyết thanh dương tính kháng Anti- HCV</p>	Test	1.700	28.560	48.552.000

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định sau khi mở túi nhôm ít nhất 72 giờ - Dạng khay. Hộp 100 test - Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người. - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II 				
1.3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis	<ul style="list-style-type: none"> Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA. - Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử. - Thời gian trả kết quả: 5- 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai - Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. - Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T. cruzi I/II). Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương 	Test	19.700	18.000	354.600.000
1.4	Test thử nhanh Dengue IgG&Ig M Cassette	<ul style="list-style-type: none"> Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4 trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người - Độ nhạy 94,6%, Độ đặc hiệu 96,5% so với phương pháp ELISA. - Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa 	Test	3.250	57.078	185.503.500

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		<p>các yếu tố dạng thấp đã được khảo sát không gây nhiễu cho sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phức hợp vàng: Keo vàng Ab kháng dengue đơn dòng chuột, keo vàng Ab chuột. Vạch chứng: IgG dê kháng chuột - Đọc kết quả trong 15- 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: 5 µl - Giới hạn phát hiện ở nồng độ pha loãng 256 lần mẫu huyết thanh có kháng thể IgG kháng Dengue - Tiêu chuẩn ISO, CE, CFS EU, CFS Australia 				
1.5	Test thử nhanh Denge NS1 Antigen Cassette	<p>Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy $\geq 92,4\%$ và độ đặc hiệu $\geq 98,4\%$ so với RT- PCR - Phức hợp vàng: Keo vàng- pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột, Keo vàng- IgY gà Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY - Không cần dung dịch pha loãng. - Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu cho sản phẩm. - Mẫu máu toàn phần được sử dụng trong vòng 3 ngày nếu bảo quản từ 2 đến 8°C - Có nghiên cứu độ nhạy đối với lây nhiễm nguyên phát và lây nhiễm thứ phát. Có nghiên cứu trên các type Dengue - 4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo gồm Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax không ảnh hưởng đến kết quả của test thử. - Thanh thử ổn định ít nhất 72 giờ sau khi mở túi nhôm. - Giới hạn phát hiện các serotype DENV Type 1: $1.95 \times 10^{1.375}$ TCID50/ml 	Test	5.400	59.997	323.983.800

IN
BIỂN

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
1.6	Chất thử xác định nhóm máu Anti-D	- Hiệu giá $\geq 1:128$ - Độ đặc hiệu 100% - Độ nhạy 100%. - Bảo quản từ 2- 8 độ C. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương	Lọ	56	219.849	12.311.544
1.7	Xét nghiệm phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương	Phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy 95.6% - Độ đặc hiệu 99.3% - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Thành phần kit thử: Kháng nguyên HBcAg tái tổ hợp (0,16 μg) - Vạch kết quả Kháng thể đơn dòng, kháng HBcAb (0,2 μg); - Vạch chứng: Kháng thể đa dòng tái tổ hợp kháng HBcAg (0,88 μg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương	Test	150	9.492	1.423.800
1.8	Xét nghiệm phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người	Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 96.2%; Độ đặc hiệu: 99.4%; Khoảng tin cậy: 95% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 μg); - Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 μg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng đa kháng chéo (0,88 μg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương	Test	250	9.030	2.257.500
1.9	Viêm gan E (HEV IgM)	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HEV - Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương. - Độ nhạy tương quan: 98,1%; Độ đặc hiệu tương quan: 99,2% Khay thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HEV (cộng hợp HEV) và một cộng	Test	400	32.000	12.800.000

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		<p>hợp kháng thể kiểm soát.</p> <p>2. Một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng IgM- người và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kit thử bảo quản nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương 				
1.10	Chất thử xác định nhóm máu Anti-AB	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu giá $\geq 1:256$ - Độ đặc hiệu 100% - Độ nhạy 100% - Bảo quản từ 2- 8 độ C - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương 	Lọ	115	97.713	11.236.995
1.11	Chất thử xác định nhóm máu Anti-B	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu giá $\geq 1:256$ - Độ đặc hiệu 100% - Độ nhạy 100% - Bảo quản từ 2- 8 độ C - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương 	Lọ	114	89.565	10.210.410
1.12	Chất thử xác định nhóm máu Anti-A	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu giá $\geq 1:256$ - Độ đặc hiệu 100% - Độ nhạy 100% - Bảo quản từ 2- 8 độ C - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương 	Lọ	112	89.565	10.031.280
1.13	Xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA), phân biệt virus HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8% so với ELISA - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT năm 2015. - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn 	Test	37.000	32.550	1.204.350.000

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		phần: 20uL - Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. - Thời gian trả kết quả: 10- 20 phút - Dạng khay. Hộp 100 test				
1.14	Test định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% - Thành phần: + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng (0.026± 0.008 µg), keo vàng- IgY gà (0.032± 0.009 µg) + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs (0.44± 0.088 µg) + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0.48± 0.096 µg) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml - Nhiệt độ bảo quản: 1- 30 °C - Dạng khay. Hộp 30 test	Test	57.000	17.514	998.298.000
2	Lô 2: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu nước tiểu					
2.1	Que thử phân tích nước tiểu	Các chỉ số đo: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose. Dải đo của các chỉ số: - Leukocytes: 5- 15 cells/µ L - Nitrite: 13- 22 µ mol/L - Urobilinogen: 3.2- 16 µ mol/L - Protein: 0.15- 0.3 g/L - pH: 5.0- 9.0 - Blood: 5- 15 cells/µ L - Specific Gravity: 1.005- 1.030	Test	71.000	1.785	126.735.000

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		- Ketone: 0.5- 1.0 mmol/L - Bilirubin: 3.3- 17 μ mol/L - Glucose: 2.8- 5.5 mmol/L - Quy cách: 100 test/ hộp				
2.2	Que thử nước tiểu 10TS	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. Dải đo của các chỉ số: - Protein: 15- 30mg/dL albumin - Blood: 0.015- 0.062mg/dL hemoglobin - LeukoCyte: 5- 15 - Nitrite: 0.06- 0.1mg/dL nitrite ion - Glucose: 75- 125mg/dL - Ketone: 5- 10mg/dL acetoacetic acid - pH: 4.6- 8.0 - SG: 1.001- 1.035 - Bilirubin: 0.4- 0.8mg/dL - Urobilinogen: 0.2EU/dL	Test	10.000	8.883	88.830.000
2.3	Que thử thai	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng β hCG, kháng thể chuột kháng α hCG. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoóc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 μ IU/mL). Đọc kết quả tại 5 phút.	Test	1.200	4.200	5.040.000
2.4	Test thử nhanh Morphine Heroin	Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP- BSA Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 μ g/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin,	Test	100	5.250	525.000

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		Aspartame. Đọc kết quả tại 5 phút				
2.5	Test thử ma túy 5 chân	Mục đích sử dụng: Phát hiện định tính nhiều loại chất kích thích và chất chuyển hóa của chúng trong mẫu nước tiểu ở các nồng độ giới hạn khác nhau. - Thuốc thử: Vạch xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và các liên hợp thuốc- protein tương ứng. Vạch chứng chứa kháng thể đa dòng kháng IgG dê và kháng thể IgG thỏ. - Vật liệu được cung cấp: Panel que thử, Hướng dẫn sử dụng - Đọc kết quả ở phút thứ 5. Không đọc kết quả sau 10 phút Giới hạn phát hiện: -THC: 50 ng/mL -MET: 500 ng/mL -MDMA: 500 ng/mL -MOP/OPI: 300 ng/mL -Ketamine: 1000 ng/mL Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương	Test	27.000	60.000	1.620.000.000
2.6	Que thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/THC/AMP (Nước tiểu)	Mẫu phẩm: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: AMP: 500ng/mL, COD: 250ng/mL, HER: 10ng/mL, MOR: 300ng/mL, THC: 50ng/mL - Độ nhạy, Độ đặc hiệu, Độ chính xác lần lượt như sau: + AMP: > 99.9%; > 99.9%; > 99.9% + COD: = 99.05%; > 99.9%; = 99.38% + HER: = 99.35%; > 99.9%; = 99.65% + MOP: > 99.9%; > 99.9%; > 99.9% + THC: > 99.9%; > 99.9%; > 99.9% - Đọc kết quả sau 5 phút. Không đọc kết quả sau 10 phút. - Độ ổn định: ổn định trong điều kiện bảo quản 2- 30°C Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất	Test	1.000	28.000	28.000.000
2.7	Định tính phát hiện Ketamine trong	Định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng KET; IgG- thỏ; Cộng hợp Ketamine-	Test	800	18.000	14.400.000

STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
	nước tiểu của người	BSA; Kháng thể dẻ kháng IgG thô. Ngưỡng phát hiện (cut off): 1000 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. Đọc kết quả tại 5 phút.				
3	Lô 3: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu dịch mũi, họng, tỵ hầu					
3.1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Sản phẩm có chứng dương, chứng âm để kiểm chuẩn - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu - Vạch A: Độ nhạy tương quan: 99,34%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Vạch B: Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Thành phần Test thử: 1. Vùng cộng hợp có màu được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng influenza-A và B (cộng hợp kháng thể). 2. Màng nitrocellulose có chứa hai vạch kết quả (vạch A và B) và một vạch chứng (vạch C). Vạch A phủ sẵn kháng thể kháng influenza-A, vạch B phủ sẵn kháng thể kháng influenza-B và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng - Không phản ứng chéo: Kháng nguyên NPSARS-coronavirus, Kháng nguyên NPMERS-coronavirus, Kháng nguyên NP Human, coronavirus HKU1, Human coronavirus, Adenovirus, Parainfluenza virus... - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương	Test	5.000	73.000	365.000.000
3.2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. - Độ nhạy tương quan: 97,6% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,5% - Độ chính xác tương quan: 99,1% Que chứng âm, chứng dương được	Test	2.850	34.223	97.535.550

Y
HIỆN
ĐC BI
★

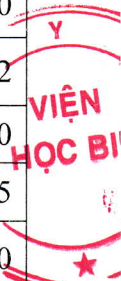
STT	Tên hàng hoá	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
		<p>cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm</p> <p>Ngưỡng phát hiện (LoD) $1,6 \cdot 10^2$ TCID₅₀/mL.</p> <p>Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2: BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1)</p> <p>Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ $3,15 \cdot 10^5$ TCID₅₀/mL</p> <p>Kết quả thử nghiệm trên bộ mẫu chuẩn của NICVB: Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100%</p> <p>Kết quả thử nghiệm của FIND (Thụy Sĩ) với phương pháp PCR, Ct ≤ 25: độ nhạy 100%</p>				
3.3	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên RSV	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp từ mẫu hút dịch ty hầu (NPA).</p> <p>- Độ nhạy: 92.3%, Độ đặc hiệu: 93.3% so với phương pháp nuôi cấy và miễn dịch huỳnh quang.</p> <p>- Dạng que.</p> <p>- Đọc kết quả trong 15 phút</p> <p>- Giới hạn phát hiện: 410,156 ng/ml Virus hợp bào hô hấp</p> <p>- Ổn định ít nhất 72 giờ sau khi mở túi nhôm</p> <p>- Thành phần: Dung dịch phức hợp vàng: Chất keo màu vàng kháng RSV đơn dòng chuột</p> <p>+ Vạch thử: Kháng thể kháng RSV đơn dòng chuột</p> <p>+ Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương</p>	Test	400	120.000	48.000.000
Tổng: 03 lô (24 danh mục)			Tổng tiền:		5.620.339.379	

Bảng chữ: Năm tỷ sáu trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng.

PHỤ LỤC:
DANH MỤC MUA SẴM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM NĂM 2025-2026
CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN
(TÙY CHỌN MUA THÊM ≤ 30%)

(Kèm theo Quyết định số 1841/QĐ-YHB ngày 15/12/2025 của Viện trưởng Viện Y học biển)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng/ Số lượng	Tỷ lệ phần trăm (%) (tương đương)	Giá trị ước tính (VND)
1	Lô 1: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu máu				
1.1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	Test	150	30	15.214.500
1.2	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Test	510	30	14.565.600
1.3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis	Test	5.910	30	106.380.000
1.4	Test thử nhanh Dengue IgG&.IgM Cassette	Test	975	30	55.651.050
1.5	Test thử nhanh Denge NS1 Antigen Cassette	Test	1.620	30	97.195.140
1.6	Chất thử xác định nhóm máu Anti-D	Lọ	16	29	3.517.584
1.7	Xét nghiệm phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương	Test	45	30	427.140
1.8	Xét nghiệm phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người	Test	75	30	677.250
1.9	Viêm gan E (HEV IgM)	Test	120	30	3.840.000
1.10	Chất thử xác định nhóm máu Anti-AB	Lọ	34	30	3.322.242
1.11	Chất thử xác định nhóm máu Anti-B	Lọ	34	30	3.045.210
1.12	Chất thử xác định nhóm máu Anti-A	Lọ	33	29	2.955.645
1.13	Xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV	Test	11.100	30	361.305.000
1.14	Test định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người	Test	17.100	30	299.489.400
2	Lô 2: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu nước tiểu				
2.1	Que thử phân tích nước tiểu	Test	21.300	30	38.020.500
2.2	Que thử nước tiểu 10TS	Test	3.000	30	26.649.000



2.3	Que thử thai	Test	360	30	1.512.000
2.4	Test thử nhanh Morphine Heroin	Test	30	30	157.500
2.5	Test thử ma túy 5 chân	Test	8.100	30	486.000.000
2.6	Que thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/THC/AMP (Nước tiểu)	Test	300	30	8.400.000
2.7	Định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người	Test	240	30	4.320.000
3	Lô 3: Sinh phẩm xét nghiệm bằng mẫu dịch mũi, họng, tỵ hầu				
3.1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	Test	1.500	30	109.500.000
3.2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2	Test	855	30	29.260.665
3.3	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên RSV	Test	120	30	14.400.000
Tổng: 03 lô (24 danh mục)		Tổng tiền:		1.685.805.426	
<i>Bảng chữ: Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu tám trăm linh năm nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng.</i>					

